

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1109/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Lê Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 1/123 tổ 2, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bà Trương Thị Hân, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 1/123 tổ 2, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Trương Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2011 ngày 17/3/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông T và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Lê Thị Tường L, sinh ngày 12/12/2011 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 31/01/2015, khi ly hôn ông T và bà H thống nhất con chung Lê Thị Tuyết M do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ông Lê Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Thị Tường L.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T và bà Trương Thị H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (02/11/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Trương Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Tường L, sinh ngày 12/12/2011 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 31/01/2015, khi ly hôn ông T và bà H thống nhất con chung Lê Thị Tuyết Ma do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ông Lê Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Thị Tường L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn T và bà Trương Thị H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003458 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- UBND dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thu Thảo